

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/09/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên; Bà Nguyễn Minh Trang.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Hoa – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;

ĐKKHKT và chỗ ở: A, C, N, Hải Dương;

Có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988;

ĐKKHKT: , C, N, Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N; Địa chỉ: K, Hà Nam;

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 24/10/2011 tại UBND xã C, N, Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau ở A, C, A, Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hoà thuận được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, nguyên nhân là do anh chị không phù hợp về tính cách, quan điểm sống, anh T mãi chơi không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Khoảng tháng 10 hoặc 11/2021 anh T có hành vi trộm cắp tài sản nên bị xử phạt tù giam và phải đi chấp hành án tại Trại giam N, K, Hà Nam. Do trước đó vợ chồng đã mâu thuẫn nghiêm trọng nên từ khi anh T bị bắt tạm giam đến khi đi thi hành án chị không đến thăm gặp, không quan tâm đến anh T. Thời gian đầu khi anh T đi chấp hành án chị vẫn ở cùng với bố mẹ đẻ anh T nhưng sau đó do hay xảy ra mâu thuẫn, nên từ tháng 5/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn của chị và anh T đã trầm trọng, sau này anh T chấp hành án xong trở về thì chị cũng không thể quay về chung sống với anh T được nữa. Do đó, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/12/2015, chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Xác nhận lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Quá trình anh và chị L chung sống có xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm. Ngày 06/12/2021 anh bị bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản. Đến ngày 7/3/2022 anh bị Toà án nhân dân huyện Gia Bình, Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Từ thời gian anh bị bắt tạm giam và đi chấp hành án chị L không đi thăm gặp anh, không gọi điện hỏi thăm anh. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh xác định mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/12/2015, nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu L trình bày: Ông là bố đẻ của chị L. Quá trình chị L, anh T chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T không tu chí làm, chơi bời, nợ nần, sau đó anh T còn có hành vi trộm cắp tài sản và phải đi chấp hành án phạt tù. Đề nghị Toà

án giải quyết cho chị L ly hôn với anh T để chị L ổn định cuộc sống. Chị L và anh T có 1 con chung là cháu Nguyễn Thị D, nếu chị L được giao nuôi con, gia đình ông sẽ tạo mọi điều kiện giúp đỡ chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D.

Bà Nguyễn Thị Đ mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T trình bày: Sau khi chị L, anh T kết hôn thì chung sống ở tại gia đình bà. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng vất vả về chuyện con cái, phải điều trị hiếm muộn nên dẫn đến có nhiều bức xúc. Khoảng tháng 10/2021 anh T bị bắt do có hành vi trộm cắp tài sản, sau đó anh T bị xử phạt 10 tháng tù và phải đi chấp hành án tại Trại giam H. Từ khi anh T bị bắt cho đến khi đi chấp hành án chị L không quan tâm, không thăm hỏi động viên anh T. Thời gian chị L ở cùng với gia đình bà có nhiều cư xử không đúng mực hay nói láo với bố mẹ chồng, tháng 5/2022 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống không ở cùng gia đình bà nữa. Nay chị L làm đơn xin ly hôn đề nghị chị L đợi anh T chấp hành án xong về để giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh T và cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Xử cho chị L ly hôn với anh T; Về con chung: giao con chung là Nguyễn Thị D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, C, N, Hải Dương, hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam N, K, Hà Nam. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/10/2011 tại UBND xã C, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị L, anh T đều trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống. Tháng 3/2022 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, sau đó anh T phải đi chấp hành án tại Trại giam N. Chị L xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T xác định mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn và kể từ khi anh bị bắt tạm giam cho đến khi phải đi chấp hành án thì chị L không còn quan tâm đến anh nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy lời khai của chị L, anh T về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn và trình bày vẫn còn tình cảm với chị L nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn với anh T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/12/2015. Chị L, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chị L có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao con chung là Nguyễn Thị D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2020/0003707 ngày 08 tháng 8 năm 2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- UBND xã C;
- THA DS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy